

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **835/2020/KDTM-PT**  
Ngày: 01/9/2020  
V/v tranh chấp: Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thọ Viên

Bà Lưu Thị Đoan Trang

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Oanh

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*  
Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 8 và 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 108/2020/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3357/2020/QĐXX-PT ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7649/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Trụ sở: đường H, Phường Đ, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Trung T và bà Đinh Thị N là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 379/UQ-TGD.20 ngày 12/8/2020) - có mặt

**Bị đơn:** Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V; Trụ sở: đường H, Phường B, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phan Thị H là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 24/8/2020) - có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Phi Đ, sinh năm 1974 - vắng mặt
  2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1976 - vắng mặt  
Cùng địa chỉ: đường T, phường A, Quận H, TP. Hồ Chí Minh.
  3. Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1971 – vắng mặt
  4. Ông Thái Đôn C, sinh năm 1963 - vắng mặt
  5. Bà Thái Minh T, sinh năm 2000 - vắng mặt
  6. Em Thái Minh G, sinh năm 2007 do ông Thái Đôn C và bà Nguyễn Thị Thúy D làm người giám hộ - vắng mặt  
Cùng địa chỉ: đường L, Phường S, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
  7. Bà Lê Thái Quỳnh M, sinh năm 1979; Địa chỉ: đường K, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận - vắng mặt
- Người kháng cáo:* Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V- có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Ngân hàng A) đối với Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V (Công ty V) và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A trình bày:

Ngày 24/12/2011, Ngân hàng A cấp tín dụng cho Công ty V theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1672/11/TD/I, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.700.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn hiệu lực rút vốn của Hợp đồng hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 24/12/2011 đến ngày 24/12/2012;
- Thời hạn của mỗi món vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, nếu quá thời hạn nêu trên việc cho vay tiếp hay không sẽ do Ngân hàng A xem xét quyết định.
- Lãi trong hạn: Lãi suất được quy định trên từng giấy nhận nợ, và sẽ được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng Ngân hàng A;
- Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1672/11/TD/I ngày 24/12/2011, ông bà Nguyễn Phi Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết M đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 1672/11/BL/I ngày 24/12/2011.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960564, sổ vào sổ cấp giấy CH 00710 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2011, đứng tên ông Nguyễn Phi Đ và vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết M).

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ

ba số 1672/11/BL/I ngày 24/12/2011 đã được công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1672/11/TD/I ngày 24/12/2011, cùng ngày 24/12/2011 bà Nguyễn Thị Thúy D và bà Lê Thái Quỳnh M đã ký các Cam kết bảo lãnh sẽ thực hiện thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V.

Ngày 29/12/2011, Ngân hàng A giải ngân đúng theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Công ty V đã thực hiện việc rút vốn vay tại Ngân hàng A theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 28/12/2011, số tiền đã rút: 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất vay: 20%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ quy định tại Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng A đã có 02 lần điều chỉnh lãi suất như sau:

- Lần 1: Thay đổi lãi suất từ 20%/năm thành 22%/năm, có hiệu lực từ ngày 08/02/2012 (*lãi suất thay đổi định kỳ*);

- Lần 2: Thay đổi lãi suất từ 22%/năm thành 33%/năm, có hiệu lực từ ngày 29/6/2012 (*lãi suất quá hạn*). Kể từ đây toàn bộ nợ gốc được chuyển thành nợ quá hạn.

Ở từng thời điểm điều chỉnh lãi suất Ngân hàng A đã gửi các Thông báo cho khách hàng biết về sự thay đổi lãi suất. Ngoài ra, nợ lãi xuyên suốt quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng được tính theo công thức đã quy định trong Hợp đồng này:  $Nợ\ lãi = Nợ\ gốc \times Lãi\ suất / 360 \times số\ ngày$ .

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty V chỉ thanh toán nhiều lần được tổng cộng là 151.208.327 đồng, số tiền này được trừ vào các khoản lãi, phí theo hợp đồng, số còn lại được trừ vào tổng nợ gốc là 1.700.000.000 đồng – 708.949 đồng = 1.699.291.051 đồng (dư nợ còn lại của khoản vay theo Bảng tình hình giao dịch tiền vay ngày 04/3/2020). Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ theo các cam kết đã ký, dẫn đến khoản vay bị quá hạn và trở thành nợ xấu. Ngân hàng A đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và làm việc với khách hàng để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả.

Ngân hàng A yêu cầu Công ty V thanh toán tổng số tiền tính đến hết ngày 10/3/2020 là: 6.114.785.292 đồng (trong đó nợ gốc 1.699.291.051 đồng, nợ lãi trong hạn 86.753.656 đồng, nợ lãi quá hạn 4.328.740.585 đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong Hợp đồng kể từ ngày 11/3/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trong trường hợp Công ty V không trả hoặc trả không đầy đủ tổng số tiền nợ nêu trên, thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định, nếu không đủ thì buộc bà Nguyễn Thị Thúy D và bà Lê Thái Quỳnh M liên đới thanh toán số tiền còn lại, mỗi người có nghĩa vụ trả 50% số tiền nợ còn lại, theo các Cam kết bảo lãnh cá nhân ngày 24/12/2011.

*Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V do bà Nguyễn Thị Thúy D là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Thừa nhận ngày 24/12/2011 Công ty V, có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1672/11/TD/I, với Ngân hàng A, số tiền vay: 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*) và xác nhận còn nợ tiền gốc lãi như Ngân hàng A trình bày. Tuy nhiên, Công ty V gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nên đề nghị Ngân hàng giãn

thời gian trả nợ và giảm lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của Công ty V thừa nhận nợ nghĩa vụ trả gốc, đề nghị xem xét lại cách tính lãi và xin giảm 50% tiền nợ lãi quá hạn; gia hạn thời gian trả nợ là 15 tháng và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nếu Công ty V không có khả năng trả nợ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Phi Đ trình bày tại bản tự khai ngày 26/02/2019:*

Ông và vợ là bà M đồng ý sử dụng Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay giữa Công ty V với Ngân hàng A, ông đề nghị Công ty V phải trả hết nợ cho Ngân hàng A để ông thu hồi lại căn nhà đã thế chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các đương sự: ông Thái Đôn C, chị Thái Minh T, em Thái Minh G, bà Lê Thái Quỳnh M, bà Nguyễn Thị Tuyết M:*

Đã được tòa án cấp sơ thẩm thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, triệu tập tham gia các buổi hòa giải và xét xử nhưng đều vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2020/KDTM-ST ngày 10 tháng 03 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 14/2020/QĐ-SCBSBA ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A
2. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 6.114.785.292 (Sáu tỷ, một trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc: 1.699.291.051 đồng; Nợ lãi trong hạn: 86.753.656 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.328.740.585 đồng; để Ngân hàng A chấm dứt vụ kiện theo hợp đồng tín dụng số 1672/11/TD/I ngày 24/12/2011.
3. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng A kể từ ngày 11/3/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.
4. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải hoàn trả cho Ngân hàng A khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.
5. Trong trường hợp Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, thì ngay sau đó Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện:
  - Phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960564, số vào sổ cấp giấy CH 00710 do Ủy ban nhân dân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2011) của ông bà Nguyễn Phi Đ - Nguyễn Thị Tuyết M theo Hợp đồng số 1672/11/BL/I ngày 24/12/2011 để thu hồi nợ theo quy định.

- Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V đối với Ngân hàng A thì ngay sau đó, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Nguyễn Thị Thúy D và bà Lê Thái Quỳnh M thực hiện nghĩa vụ trả nợ hết số nợ còn lại cho Ngân hàng A, mỗi người phải chịu trả 50% trên số tiền còn lại chưa trả nợ đủ cho Ngân hàng A, theo như Giấy cam kết bảo lãnh cá nhân của bà Thúy D và bà Quỳnh M ngày 24/12/2011.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 25/3/2020 Công ty V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do của việc kháng cáo là lãi suất tính sai, không phù hợp.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Đại diện theo ủy quyền của Công ty V trình bày:*

Công ty V xác định chỉ yêu cầu kháng cáo 1 phần của bản án sơ thẩm, cụ thể là kháng cáo đề nghị xem xét lại cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn chưa thanh toán. Về các nội dung khác trong bản án sơ thẩm đã tuyên thì Công ty V không kháng cáo.

Cụ thể Công ty V cho rằng đối chiếu quy định giữa Điều 2 Hợp đồng tín dụng “Tiền lãi quá hạn = Số nợ gốc không trả đúng hạn x 50% lãi suất trong hạn x ngày quá hạn” và Giấy nhận nợ “Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn” là có sự chênh lệch. Nên yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ Điều 2 Hợp đồng để sửa án sơ thẩm điều chỉnh tiền lãi quá hạn phải trả của Công ty V.

*Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A trình bày:* phía Công ty V viện dẫn chưa đầy đủ quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Cụ thể tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng quy định như sau: “Tiền lãi quá hạn = Số nợ gốc không trả đúng hạn x 50% lãi suất trong hạn x ngày quá hạn; Tổng tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = Tiền lãi trong hạn + tiền lãi quá hạn” là đúng với quy định trong Giấy nhận nợ “Lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn”. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận số tiền lãi quá hạn là 4.328.740.585 đồng, theo yêu cầu của Ngân hàng A đã tính là phù hợp với quy định này của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ của Công ty V đã ký. Do vậy không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty V, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Nhận thấy các lập luận và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của phía người kháng cáo là không có sở để chấp nhận nên đề nghị bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty V còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Các đương sự là: Ông Nguyễn Phi Đ, bà Nguyễn Thị Tuyết M, bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Thái Đôn C, bà Thái Minh T, bà Lê Thái Quỳnh M vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng xét thấy các ông bà không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan với nội dung có kháng cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Đại diện Công ty V nêu lý do kháng cáo yêu cầu điều chỉnh lại số tiền lãi quá hạn phải trả của Công Ty V vì căn cứ theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng thì “Tiền lãi quá hạn = Số nợ gốc không trả đúng hạn x 50% lãi suất trong hạn x Ngày quá hạn”. Tuy nhiên không được phía đại diện Ngân hàng A chấp nhận vì cho rằng phía Công ty V viện dẫn chưa đầy đủ quy định tại Điều 2 của Hợp đồng. Cụ thể tại Điều 2 Hợp đồng tín dụng quy định: “Tiền lãi quá hạn = Số nợ gốc không trả đúng hạn x 50% lãi suất trong hạn x Ngày quá hạn; Tổng tiền lãi phải trả đối với khoản vay không trả đúng hạn = Tiền lãi trong hạn + tiền lãi quá hạn”. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận số tiền lãi quá hạn là 4.328.740.585 đồng, theo yêu cầu của Ngân hàng A đã tính là phù hợp với quy định này của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ của Công ty V đã ký.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của phía người đại diện Ngân hàng A là phù hợp với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1672/11/TD/I ngày 24/12/2011 đã ký giữa các bên và Giấy nhận nợ ngày 24/12/2011 Công ty V đã ký, lý do kháng cáo và căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo mà phía người đại diện Công ty V nêu tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử**

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.
2. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền 6.114.785.292 (Sáu tỷ, một trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm chín mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc: 1.699.291.051 đồng; Nợ lãi trong hạn: 86.753.656 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.328.740.585 đồng; để Ngân hàng A chấm dứt vụ kiện theo hợp đồng tín dụng số 1672/11/TD/I ngày 24/12/2011.
3. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng A, kể từ ngày 11/3/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.
4. Buộc Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải hoàn trả cho Ngân hàng A khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.
5. Trong trường hợp Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên, thì ngay sau đó Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện:
  - Phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại đường T, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 960564, số vào sổ cấp giấy CH 00710 do Ủy ban nhân dân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/09/2011) của ông bà Nguyễn Phi Đ - Nguyễn Thị Tuyết M theo Hợp đồng số 1672/11/BL/I ngày 24/12/2011 để thu hồi nợ theo quy định.
  - Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản nêu trên không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V đối với Ngân hàng A thì ngay sau đó, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Nguyễn Thị Thúy D và bà Lê Thái Quỳnh M thực hiện nghĩa vụ trả nợ hết số nợ còn lại cho Ngân hàng A, mỗi người phải chịu trả 50% trên số tiền còn lại chưa trả nợ đủ cho Ngân hàng A, theo như Giấy cam kết bảo lãnh cá nhân của bà Thúy D và bà Quỳnh M ngày 24/12/2011.
6. Án phí Dân sự sơ thẩm là: 114.114.785 (Một trăm mười bốn triệu, một trăm mười bốn nghìn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng, Công ty V phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 37.159.784 (Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi bốn) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo biên lai thu tiền số AH/2011/02163 ngày 06/5/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.
7. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH Thiết bị Khoa học V phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016146 ngày 08/4/2020 và biên lai thu số 0016236 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thanh Nhàn**